

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v Tranh chấp về HNGĐ-Chia
tài sản chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nghê Văn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 104, Tổ 33, Khóm B, Phường MM, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 33-35, đường LVT, Tổ 34, Khóm B, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/5/2022).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 104, Tổ 33, Khóm B, Phường MM, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Ngô Thị Kim X, bà Trần Thị P có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Ngô Thị Kim X là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nghê Văn L trình bày:

Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hàn gắn lại được nên ông L và bà P đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn vào ngày 15/02/2022, Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết bằng Quyết định số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.
- Về con chung: Bà P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nghê Phúc L1, sinh ngày 02/11/2016.
- Về tài sản chung: Ông L và bà P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi ly hôn đến nay, ông L và bà P đã nhiều lần thỏa thuận nhưng không thành do bà P không đồng ý phân chia tài sản cho ông L. Tài sản chung của ông L và bà P trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- 01 căn nhà cấp 4, nền gạch bông, vách tole, trên diện tích đất thửa 117, tờ bản đồ số 17, tại số nhà 104, Tổ 33, Khóm B, Phường MM, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là thửa đất 117). Căn nhà được ông L và bà P xây dựng vào năm 2006, nguồn tiền để xây dựng nhà là của ông L và bà P, trị giá khoảng 200.000.000đ, hiện nay bà P đang quản lý.

- Đồ dùng trong nhà gồm:

- + 01 bộ ghế salon gỗ thao lao, trị giá khoảng 20.000.000đ;
 - + 01 tủ thờ gỗ thao lao, trị giá khoảng 20.000.000đ;
 - + 01 máy điều hòa trị giá 7.000.000đ;
 - + 01 máy giặt, trị giá 3.000.000đ;
 - + 01 tủ lạnh trị giá khoảng 1.000.000đ;
 - + 01 cái tủ nhôm trị giá 1.000.000đ;
 - + 01 dàn nhạc trị giá 1.000.000đ
- Tài sản khác gồm:
 - + 02 nồi nấu rượu trị giá 1.000.000đ;
 - + 02 cái phi sắt trị giá 400.000đ;
 - + 18 thùng nhựa 48 lít, trị giá 30.000đ/cái x 18 cái = 540.000đ;
 - + 40 thước củi, trị giá 150.000đ/thước x 40 thước = 6.000.000đ;
 - + 03 bộ bàn inox trị giá 2.000.000đ;
 - + 30 cái ghế nhựa trị giá 1.000.000đ;
 - + 01 cây mai vàng trị giá 3.000.000đ.

- Tiền mặt 360.000.000đ.

- 1,7 lượng vàng 24k, giá trị hiện tại 69.000.000đ/lượng x 1,7 lượng = 117.300.000đ. Hiện nay tài sản chung do bà P quản lý.

Tổng giá trị tài sản chung là 744.240.000đ. Ông L yêu cầu chia đôi tài sản chung, mỗi người được 372.120.000đ, ông L yêu cầu được nhận giá trị với số tiền 372.120.000đ.

Tại đơn yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/01/2023, bà Ngô Thị Kim X trình bày: Ông Nghê Văn L rút yêu cầu khởi kiện đối với đồ dùng trong nhà gồm: 01 bộ ghế salon gỗ thao lao; 01 tủ thờ gỗ thao lao; 01 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 cái tủ

nhôm; 01 dàn nhạc; 02 nồi nấu rượu; 02 cái phi sắt; 18 thùng nhựa 48 lít; 40 thước củi; 03 bộ bàn inox; 30 cái ghế nhựa; 01 cây mai vàng; Tiền mặt 360.000.000đ và 1,7 lượng vàng 24k, ông L và bà P tự thỏa thuận riêng, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với tài sản chung của ông L và bà P là căn nhà cấp 4 và nhà phụ là phần mái che gắn liền trên diện tích đất thửa 117, ông L yêu cầu chia đôi, mỗi người được $\frac{1}{2}$ tài sản chung, ông L yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền là 119.607.000đ theo Biên bản định giá ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá đã định, ông L đồng ý để bà P tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà. Ngoài yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà nêu trên thì ông L không còn yêu cầu nào khác.

Quyền sử dụng đất diện tích thửa đất thửa đất 117 là tài sản riêng của bà P do được mẹ ruột của bà P tặng cho cá nhân bà P. Ông L không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với diện tích đất.

Về giá trị tài sản chung: Ông L thống nhất giá trị tài sản chung do Hội đồng định giá đã định tại Biên bản định giá ngày 15/9/2022, không yêu cầu định giá lại tài sản và cũng không cung cấp giá khác.

Ông L thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố C và sơ đồ đo đạc ngày 11/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trần Thị P trình bày:

Bà P và ông L kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà P và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vào năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố C đã giải quyết cho ông bà ly hôn tại Quyết định số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Trong quá trình chung sống bà P với ông L có tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 và mái che xây dựng năm 2006 tại số nhà 104, Tổ 33, Khóm B, Phường MM, thành phố C, nhà được xây dựng trên diện tích đất thửa 117, nguồn gốc đất là do bà P được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Th cho cá nhân bà P trước khi bà P lấy ông L. Bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 117 vào năm 2019 và hiện đang quản lý, sử dụng căn nhà và diện tích đất gắn liền. Nguồn tiền xây nhà là của bà P và ông L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P trình bày: Bà P đồng ý chia đôi tài sản chung là căn nhà gồm nhà chính và nhà phụ là phần mái che gắn liền, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung, bà P hiện đang quản lý, sử dụng căn nhà và bà P phải nuôi con nhỏ nên yêu cầu được nhận căn nhà, đồng ý giao cho ông L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung.

Ngoài căn nhà nêu trên thì bà P và ông L có tài sản chung là 01 bộ ghế salon gỗ thao lao; 01 tủ thờ gỗ thao lao; 01 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 cái tủ nhôm; 01 dàn nhạc; 02 nồi nấu rượu; 02 cái phi sắt; 18 thùng nhựa 48 lít; 40 thước củi; 03 bộ bàn inox; 30 cái ghế nhựa; 01 cây mai vàng. Đối với các tài sản nêu trên bà P và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đồ dùng, vật dụng khác có trong căn nhà bà P cũng không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Bà P và ông L không có tài sản chung là tiền mặt 360.000.000đ và 1,7 lượng vàng 24k như lời ông L trình bày.

Bà P thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố C và sơ đồ đo đạc ngày 11/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Về giá trị tài sản chung: Bà P thống nhất giá trị tài sản chung do Hội đồng định giá đã định tại Biên bản định giá ngày 15/9/2022, không yêu cầu định giá lại tài sản và cũng không cung cấp giá khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của ông L về việc chia 01 bộ ghế salon gỗ thao lao; 01 tủ thờ gỗ thao lao; 01 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 cái tủ nhôm; 01 dàn nhạc; 02 nồi nấu rượu; 02 cái phi sắt; 18 thùng nhựa 48 lít; 40 thước củi; 03 bộ bàn inox; 30 cái ghế nhựa; 01 cây mai vàng; Tiền mặt 360.000.000đ và 1,7 lượng vàng 24k; Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của ông L và bà P về việc chia đôi tài sản chung là căn nhà trên diện tích thửa 117, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung, ông L được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, bà P được toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà.

Án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nghê Văn L yêu cầu chia tài sản chung với bà Trần Thị P, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị P có địa chỉ tại Số 104, Tổ 33, Khóm B, Phường MM, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào sự thừa nhận của ông L, bà P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định ông Nghê Văn L và bà Trần Thị P kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 30/CNKH ngày 12/5/2005. Vào năm 2022, ông L và bà P ly hôn theo Quyết định số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C. Trong thời gian ông L và bà P chung sống có tạo lập được tài sản chung là căn nhà gồm nhà chính là nhà cấp 4 có kết cấu bê tông cốt thép, vách tường, nền lát gạch men, trần nhựa, mái lợp tole sóng vuông và nhà phụ là phần mái che gắn liền có kết cấu khung gỗ tạp, nền lát xi măng, mái lợp tole trên diện tích đất thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 760203 cấp ngày 27/11/2019 cho hộ bà Trần Thị P đứng tên (vị trí thửa đất và căn nhà được xác định tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố C và sơ đồ đo đạc ngày 11/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C). Căn nhà được xây dựng vào năm 2006 từ nguồn tiền của ông L và bà P. Đối với diện tích đất thửa 117, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp không phải là tài sản chung của ông L và bà P mà là tài sản riêng của bà Trần Thị P, nguồn gốc đất là do mẹ ruột của bà P tặng cho cá nhân bà P, ông L không tranh chấp. Đây là những tình tiết, sự việc được hai bên đương sự thừa nhận là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, anh Trần Hữu T và anh Nghê Phúc L1 là thành viên trong hộ bà Trần Thị P vào năm 2019 cùng xác định căn nhà cấp 4 mà ông L đang tranh chấp là tài sản chung của ông L và bà P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên do ông L và bà P tự quyết định, đối với diện tích đất thửa 117, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản của cá nhân bà Trần Thị P, nguồn gốc đất là do mẹ ruột của bà P là bà Nguyễn Thị Th tặng cho cá nhân bà P nên bà P có toàn quyền quyết định, anh T và anh L1 không tranh chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/01/2023, bà Ngô Thị Kim X là đại diện theo ủy quyền của ông Nghê Văn L và bà Trần Thị P cùng thống nhất thỏa thuận chia đôi tài sản chung, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung, bà P được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà chính và nhà phụ nêu trên, bà P sẽ giao cho ông L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung theo giá Hội đồng định giá đã định tại Biên bản định giá ngày 15/9/2022, ông L và bà P không yêu cầu định giá lại tài sản và cũng không cung cấp giá nào khác.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc lưu cư, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về thời gian lưu cư nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các vật dụng, tài sản có trong căn nhà, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Tại đơn yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông L rút lại yêu cầu về việc chia 01 bộ ghế salon gỗ thao lao; 01 tủ thờ gỗ thao lao; 01 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 cái tủ nhôm; 01 dàn nhạc; 02 nồi nấu rượu; 02 cái phi sắt; 18 thùng nhựa 48 lít; 40 thước củi; 03 bộ bàn inox; 30 cái ghế nhựa; 01 cây mai vàng; Tiền mặt 360.000.000đ và 1,7 lượng vàng 24k.

Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L là tự nguyện và phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của ông L về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của ông L về việc chia 01 bộ ghế salon gỗ thao lao; 01 tủ thờ gỗ thao lao; 01 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 cái tủ nhôm; 01 dàn nhạc; 02 nồi nấu rượu; 02 cái phi sắt; 18 thùng nhựa 48 lít; 40 thước củi; 03 bộ bàn inox; 30 cái ghế nhựa; 01 cây mai vàng; Tiền mặt 360.000.000đ và 1,7 lượng vàng 24k; Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của ông L và bà P về việc chia đôi tài sản chung là căn nhà trên diện tích thửa 117, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung, ông L được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, bà P được toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp như đã nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Ông Nghê Văn L phải chịu tiền án phí đối với phần tài sản ông L được nhận ($5\% \times 119.607.000\text{đ} = 5.980.000\text{đ}$).

Bà Trần Thị P phải chịu án phí đối với phần tài sản bà P được nhận nhưng bà P có đơn xin miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi nên bà P được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí thẩm định và định giá: Tổng cộng chi phí thẩm định và định giá là 3.750.000 đồng, ông L và bà P tự nguyện mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định và định giá với số tiền 1.875.000đ, do ông L đã tạm ứng và chi xong nên bà P có nghĩa vụ phải trả lại cho ông L số tiền 1.875.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 5, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 264, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nghê Văn L về việc yêu cầu chia 01 bộ ghế salon gỗ thao lao; 01 tủ thờ gỗ thao lao; 01 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 cái tủ nhôm; 01 dàn nhạc; 02 nồi nấu rượu; 02 cái phi sắt; 18 thùng nhựa 48 lít; 40 thước củi; 03 bộ bàn inox; 30 cái ghế nhựa; 01 cây mai vàng; Tiền mặt 360.000.000đ và 1,7 lượng vàng 24k.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nghê Văn L và bà Trần Thị P về việc phân chia tài sản chung là căn nhà gồm nhà chính là nhà cấp 4 có kết cấu bê tông cốt thép, vách tường, nền lót gạch men, trần nhựa, mái lợp tole sóng vuông và nhà phụ là phần mái che gắn liền có kết cấu khung gỗ tạp, nền lót xi măng, mái lợp tole trên diện tích đất thửa 117, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (vị trí thửa đất và căn nhà được xác định tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 11/8/2022).

Buộc bà Trần Thị P có nghĩa vụ giao cho ông Nghê Văn L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung (nhà chính và nhà phụ nêu trên) với số tiền là 119.607.000đ (Một trăm mười chín triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị P được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ căn nhà chính là nhà cấp 4 kết cấu bê tông cốt thép, vách tường, nền lót gạch men, trần nhựa, mái lợp tole sóng vuông và nhà phụ là phần mái che gắn liền có kết cấu khung gỗ tạp, nền lót xi măng, mái lợp tole trên diện tích đất thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 760203 cấp ngày 27/11/2019 cho hộ bà Trần Thị P đứng tên được xác định trong phạm vi các mốc 1-2-3-4-5-6-1 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố C và sơ đồ đo đạc ngày 11/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị P được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh thông tin quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nghê Văn L phải chịu 5.980.000đ (Năm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 9.303.000đ, ông Nghê Văn L được nhận lại số tiền 3.323.000đ (Ba triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011294 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Trần Thị P được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định và định giá với tổng số tiền là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nghê Văn L và bà Trần Thị P tự nguyện mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ chi phí với số tiền 1.875.000đ, do ông L đã nộp tạm ứng và chi xong nên bà Trần Thị P có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Nghê Văn L số tiền 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Cẩm Hùng